

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;
- Tiến độ thi công;
- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;
- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bỉm Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm¹:

Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm thì phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.2 Mục 3 Chương này.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu để quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Mức điểm yêu cầu tối thiểu quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật. Đối với gói thầu cần xem xét trên cơ sở chú trọng tới các yếu tố kỹ thuật, chủ đầu tư có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không thấp hơn 80% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. E-HSMT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j \equiv \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

t_{ji} = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

w_{ji} = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

k = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát “j”, và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

$$T \equiv \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

S_j = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

W_j = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

n = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

$$\sum_{j=1}^n W_j = 1$$

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt²:

a. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng

Trong quá trình lựa chọn nhà thầu (Đánh giá xét thầu) Bên mời thầu sẽ ưu tiên thực hiện xem xét và đánh giá tính đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đối với các hàng hóa do nhà thầu đề xuất **Phương án chính** về nguồn gốc xuất xứ nêu tại **Bảng 1.1** và **Bảng 1.2** do nhà thầu cung cấp trong phạm vi dự án.

- Đối với hàng hóa do nhà thầu đề xuất **Phương án chính** về nguồn gốc xuất xứ đã được bên mời thầu đánh giá hàng hóa đáp ứng yêu cầu của E-HSMT sẽ là cơ sở để hai bên ký kết hợp đồng. Đối với hàng hóa do nhà thầu đề xuất **Phương án dự phòng** về nguồn gốc xuất xứ (nếu có) chỉ được xem xét và đánh giá tính đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình thực

² Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

hiện Hợp đồng sau khi nhà thầu có văn bản đề nghị Chủ đầu tư xem xét cho thay đổi điều chỉnh về nguồn gốc xuất xứ vật tư (nếu có).

- Trường hợp hàng hóa do nhà thầu đề xuất **Phương án chính** về nguồn gốc xuất xứ đã được bên mời thầu xem xét đánh giá không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT (kể cả sau khi làm rõ). Bên mời thầu có thể xem xét đánh giá bổ sung thêm **Phương án dự phòng** về nguồn gốc xuất xứ của nhà thầu (nếu có). Trường hợp nhà thầu được thầu trúng thầu và ký hợp đồng với Chủ đầu tư. Nhà thầu phải thực hiện cung cấp hàng hóa đúng theo **Phương án dự phòng** đã được bên mời thầu đánh giá đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đối với các hàng hóa do nhà thầu đề xuất.

b. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của Vật tư, thiết bị

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
	Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
1.1 Đối với các loại vật tư, thiết bị chính được nêu tại Bảng 1.1 sau đây	Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về mặt kỹ thuật và nêu rõ nguồn gốc xuất xứ kèm theo Bảng cam kết đặc tính, thông số kỹ thuật của các loại vật tư vật liệu trong phạm vi cung cấp của gói thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại chương V	Đáp ứng các yêu cầu cơ bản về mặt kỹ thuật và nêu rõ nguồn gốc xuất xứ kèm theo Bảng cam kết đặc tính, thông số kỹ thuật của các loại vật tư vật liệu trong phạm vi cung cấp của gói thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại chương V	Không đáp ứng các yêu cầu cơ bản về mặt kỹ thuật hoặc không nêu rõ nguồn gốc xuất xứ hoặc không kèm theo Bảng cam kết đặc tính, thông số kỹ thuật của các loại vật tư vật liệu trong phạm vi cung cấp của gói thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại chương V hoặc có kèm theo nhưng chưa đầy đủ kể cả khi được được yêu cầu làm rõ chứng minh
1.2 Đối với các loại vật tư, vật liệu nhỏ lẻ được nêu tại Bảng 1.2 sau đây	Có chào đầy đủ nguồn gốc xuất xứ	Không áp dụng	Không chào hoặc có chào nhưng chưa chào đầy đủ nguồn gốc và xuất xứ (kể cả khi được được yêu cầu làm rõ chứng minh)
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 1.1, 1.2 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được		Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.		Không đạt

BẢNG 1.1. YÊU CẦU ĐỐI VỚI VẬT TƯ, THIẾT BỊ CHÍNH

T T	Tên phụ lục yêu cầu kỹ thuật	Tên bảng yêu cầu về đặc tính kỹ thuật	Phạm vi cung cấp chủng loại vật tư, vật liệu	Yêu cầu	Nhà thầu chào
1	Điều Hoà treo tường	Theo nội dung yêu cầu kỹ thuật quy định tại chương V	Các loại trong phạm vi cung cấp của gói thầu. Chi tiết theo bảng kê hạng mục công việc (Biểu Mẫu số 01B Webform trên Hệ thống và theo quy định tại chương V)	Đáp ứng các yêu cầu về mặt kỹ thuật đối với các loại vật tư vật liệu trong phạm vi cung cấp của gói thầu, nêu rõ nguồn gốc xuất xứ được nêu tại yêu cầu kỹ thuật quy định tại chương V	- Bảng cam kết đặc tính, thông số kỹ thuật của các loại vật tư vật liệu trong phạm vi cung cấp của gói thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại chương V; - Tài liệu kỹ thuật như: Catalogue, tài liệu ISO, Test ... của VTTB chào thầu - Có giấy chứng nhận hàng hóa tương tự chào thầu đã được vận hành thương mại thỏa mãn yêu cầu của khách hàng tối thiểu 02 năm trên lưới điện Việt Nam
2	Aptomat	Theo nội dung yêu cầu kỹ thuật quy định tại chương V	Các loại trong phạm vi cung cấp của gói thầu. Chi tiết theo bảng kê hạng mục công việc (Biểu Mẫu số 01B Webform trên Hệ thống và theo quy định tại chương V)	Đáp ứng các yêu cầu về mặt kỹ thuật đối với các loại vật tư vật liệu trong phạm vi cung cấp của gói thầu, nêu rõ nguồn gốc xuất xứ được nêu tại yêu cầu kỹ thuật quy định tại chương V	- Bảng cam kết đặc tính, thông số kỹ thuật của các loại vật tư vật liệu trong phạm vi cung cấp của gói thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại chương V; - Tài liệu kỹ thuật như: Catalogue, tài liệu ISO, Test ... của VTTB chào thầu - Có giấy chứng nhận hàng hóa tương tự chào thầu đã được vận hành thương mại thỏa mãn yêu cầu của khách hàng tối thiểu 02 năm trên lưới điện Việt Nam
3	Sơn tường, sơn lót nội, ngoại thất	Theo nội dung yêu cầu kỹ thuật quy định tại chương V	Các loại trong phạm vi cung cấp của gói thầu. Chi tiết theo bảng kê hạng mục công việc (Biểu Mẫu số 01B Webform trên Hệ thống và theo quy định tại chương V)	Đáp ứng các yêu cầu về mặt kỹ thuật đối với các loại vật tư vật liệu trong phạm vi cung cấp của gói thầu, nêu rõ nguồn gốc xuất xứ được nêu tại yêu cầu kỹ thuật quy định tại chương V	- Bảng cam kết đặc tính, thông số kỹ thuật của các loại vật tư vật liệu trong phạm vi cung cấp của gói thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại chương V; - Tài liệu kỹ thuật như: Catalogue, tài liệu ISO, Test ... của VTTB chào thầu - Có giấy chứng nhận hàng hóa tương tự chào thầu đã được vận hành thương mại thỏa mãn yêu cầu của khách hàng tối thiểu 02 năm trên lưới điện Việt Nam

T T	Tên phụ lục yêu cầu kỹ thuật	Tên bảng yêu cầu về đặc tính kỹ thuật	Phạm vi cung cấp chủng loại vật tư, vật liệu	Yêu cầu	Nhà thầu chào
4	Thiết bị vệ sinh	Theo nội dung yêu cầu kỹ thuật quy định tại chương V	Các loại trong phạm vi cung cấp của gói thầu. Chi tiết theo bảng kê hạng mục công việc (Biểu Mẫu số 01B Webform trên Hệ thống và theo quy định tại chương V)	Đáp ứng các yêu cầu về mặt kỹ thuật đối với các loại vật tư vật liệu trong phạm vi cung cấp của gói thầu, nêu rõ nguồn gốc xuất xứ được nêu tại yêu cầu kỹ thuật quy định tại chương V	- Bảng cam kết đặc tính, thông số kỹ thuật của các loại vật tư vật liệu trong phạm vi cung cấp của gói thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại chương V; - Tài liệu kỹ thuật như: Catalogue, tài liệu ISO, Test ... của VTTB chào thầu - Có giấy chứng nhận hàng hóa tương tự chào thầu đã được vận hành thương mại thỏa mãn yêu cầu của khách hàng tối thiểu 02 năm trên lưới điện Việt Nam
5	Gạch ốp lát	Theo nội dung yêu cầu kỹ thuật quy định tại chương V	Các loại trong phạm vi cung cấp của gói thầu. Chi tiết theo bảng kê hạng mục công việc (Biểu Mẫu số 01B Webform trên Hệ thống và theo quy định tại chương V)	Đáp ứng các yêu cầu về mặt kỹ thuật đối với các loại vật tư vật liệu trong phạm vi cung cấp của gói thầu, nêu rõ nguồn gốc xuất xứ được nêu tại yêu cầu kỹ thuật quy định tại chương V	- Bảng cam kết đặc tính, thông số kỹ thuật của các loại vật tư vật liệu trong phạm vi cung cấp của gói thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại chương V; - Tài liệu kỹ thuật như: Catalogue, tài liệu ISO, Test ... của VTTB chào thầu - Có giấy chứng nhận hàng hóa tương tự chào thầu đã được vận hành thương mại thỏa mãn yêu cầu của khách hàng tối thiểu 02 năm trên lưới điện Việt Nam

BẢNG 1.2. YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÁC LOẠI VẬT TƯ, VẬT LIỆU NHỎ LẺ

TT	Tên Vật tư, vật liệu	Yêu cầu	Nhà thầu chào
1	Cốt thép các loại (theo bản vẽ thiết kế)	Nêu nguồn gốc xuất xứ (Tên nhà sản xuất, nước sản xuất)	Chào đầy đủ nguồn gốc xuất xứ (Tên nhà sản xuất, nước sản xuất)
2	Thép hình, thép tấm các loại	Nêu nguồn gốc xuất xứ (Tên nhà sản xuất, nước sản xuất)	Chào đầy đủ nguồn gốc xuất xứ (Tên nhà sản xuất, nước sản xuất)
3	Cửa nhôm hệ	Nêu nguồn gốc xuất xứ (Tên nhà sản xuất, nước sản xuất)	Chào đầy đủ nguồn gốc xuất xứ (Tên nhà sản xuất, nước sản xuất)
4	Vật liệu chống thấm	Nêu nguồn gốc xuất xứ (Tên nhà sản xuất, nước sản xuất)	Chào đầy đủ nguồn gốc xuất xứ (Tên nhà sản xuất, nước sản xuất)

TT	Tên Vật tư, vật liệu	Yêu cầu	Nhà thầu chào
5	Dây dẫn điện các loại	Nêu nguồn gốc xuất xứ (Tên nhà sản xuất, nước sản xuất)	Chào đầy đủ nguồn gốc xuất xứ (Tên nhà sản xuất, nước sản xuất)
6	Ổng, phụ kiện cấp thoát nước	Nêu nguồn gốc xuất xứ (Tên nhà sản xuất, nước sản xuất)	Chào đầy đủ nguồn gốc xuất xứ (Tên nhà sản xuất, nước sản xuất)
7	Tôn lợp	Nêu nguồn gốc xuất xứ (Tên nhà sản xuất, nước sản xuất)	Chào đầy đủ nguồn gốc xuất xứ (Tên nhà sản xuất, nước sản xuất)
8	Gạch các loại	Nêu nguồn gốc xuất xứ (Tên nhà sản xuất, nước sản xuất)	Chào đầy đủ nguồn gốc xuất xứ (Tên nhà sản xuất, nước sản xuất)
9	Quạt trần	Nêu nguồn gốc xuất xứ (Tên nhà sản xuất, nước sản xuất)	Chào đầy đủ nguồn gốc xuất xứ (Tên nhà sản xuất, nước sản xuất)

3.2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Hiểu biết về điều kiện tự nhiên, vị trí và nhận thức đầy đủ về mặt bằng thi công.	Hiểu về điều kiện tự nhiên; vị trí của công trình; Biết về thuận lợi và khó khăn mặt bằng thi công, và có các phương án phối hợp giải quyết giữa địa phương, chủ đầu tư và nhà thầu để phục vụ quá trình thi công, phương án đền bù đất thi công...	Đạt
	Không am hiểu địa bàn, không có phương án phối hợp giữa địa phương, chủ đầu tư và nhà thầu trong quá trình thi công, mặt bằng thi công	Không đạt
2.2. Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, lán trại, vị trí lấy mẫu và biện pháp bảo quản thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí ra vào công trường, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công	Có giải pháp phương án tổ chức mặt bằng, giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. Có đầy đủ kế hoạch bố trí kho bãi, lán trại trong biện pháp thi công được nêu trong HSDT của nhà thầu.	Đạt
	Không trình bày tổ chức công trường, hoặc giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
2.3 Biện pháp đảm bảo tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị	Có nêu biện pháp đảm bảo tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị bố trí nhân sự đầy đủ, chi tiết và hợp lý	Đạt
	Không nêu biện pháp bảo đảm tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị và công tác bố trí nhân sự.	Không đạt
2.4. Thi công xây dựng yêu cầu có giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công các hạng mục chính theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật: + Phần thi công xây lắp, lắp đặt vật tư, thiết bị phụ kiện vật liệu phần xây dựng mới và cải tạo như:	- Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Phần đường dây trung thế, phần Trạm biến áp, phần đường dây hạ áp. + Phần tháo dỡ lắp đặt lại vật tư thiết bị. + Phần tháo dỡ thu hồi nhập kho Công ty Điện lực Phú Thọ		
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết trên được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

3.3. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Thời gian thi công: Đảm bảo thời gian thi công không quá 60 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 60 ngày có tính đến điều kiện thời tiết.	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 60 ngày	Không đạt
3.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công. b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b). Các thiết bị, nhân sự phù hợp phương án thi công nhà thầu chào, phù hợp với yêu cầu tiến độ của dự án	Đạt
	Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b). Bố trí nhân lực không phù hợp với tiến độ thi công	Không đạt
3.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT	Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT.	Đạt
	Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	Không đạt
3.4 Hệ thống kiểm soát ra vào công trường và giám sát quá trình thi công	Nhà thầu có cam kết (theo biểu mẫu) trang bị hệ thống kiểm soát nhân sự ra vào công trường để kiểm soát nhân sự ra vào công trường phục vụ kiểm tra giám sát tại công trường.	Đạt
	Nhà thầu không cam kết trang bị hệ thống kiểm soát nhân sự ra vào công trường phục vụ kiểm tra giám sát tại công trường.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết trên được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

3.4. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đánh giá	
4.1 Quản lý chất lượng vật tư: - Các quy trình kiểm tra chất lượng vật tư, tiếp nhận, lưu kho, bảo quản; Quản lý chất lượng cho từng loại công tác thi công; lập biện	Trình bày đầy đủ các yêu cầu về quản lý bảo đảm chất lượng trong công tác thi công đúng quy trình, quy phạm và có cam kết xóa tồn tại trong 30 ngày kể từ ngày công trình nghiệm thu đóng điện.	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đánh giá	
pháp thi công; quy trình kiểm tra, nghiệm thu, lập hồ sơ hoàn công - Tổ chức phòng thí nghiệm, thiết bị kiểm tra. - Biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão. - Cam kết xóa tồn tại trong 30 ngày kể từ ngày công trình nghiệm thu đóng điện.	Không nêu các biện pháp bảo đảm chất lượng trong công tác thi công ở biện pháp thi công công trình và không cam kết xóa tồn tại trong 30 ngày kể từ ngày công trình nghiệm thu đóng điện.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết trên được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

3.5. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
5.1. An toàn lao động		
Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
5.2. Phòng cháy, chữa cháy		
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
5.3. Vệ sinh môi trường		
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết trên được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

3.6. Bảo hành công trình đưa vào sử dụng

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
6.1 Thời gian	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 18 tháng kể	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
bảo hành	từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng.	
	Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 18 tháng.	Không đạt
6.2. Cam kết về bảo hành	<p>Nhà thầu có cam kết về yêu cầu bảo hành công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận. - Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. - Trong thời gian bảo hành, khi có yêu cầu kiểm tra giải quyết sự cố, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: 48 giờ hiện trường nơi lắp đặt thiết bị vào công trình theo thông báo của bên A. - Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này. 	Đạt
	<p>Nhà thầu không cam kết hoặc cam kết không đầy đủ nội dung theo yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận. - Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. - Trong thời gian bảo hành, khi có yêu cầu kiểm tra giải quyết sự cố, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: 48 giờ hiện trường nơi lắp đặt thiết bị vào công trình theo thông báo của bên A. - Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này. 	Không đạt
6.3 Cam kết không ràng buộc và hạn chế liên quan đến cung cấp các dịch vụ tư	<p>Nhà thầu có bản cam kết: Các thiết bị chính tham gia cung cấp vật tư thiết bị trong gói thầu này sẽ không đưa ra bất cứ sự ràng buộc, hạn chế nào trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn kỹ thuật, cung cấp vật tư thiết bị dự phòng/thay thế sau thời gian bảo hành của Hợp đồng. Cam kết này bao gồm nhưng không giới hạn tới các quy định cản trở sự tiếp cận của Chủ</p>	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
vấn kỹ thuật, vật tư thiết bị dự phòng/ thay thế sau thời gian bảo hành	đầu tư tới cách dịch vụ và vật tư thiết bị nêu trên nhằm nâng cao độ tin cậy vận hành của thiết bị/hệ thống.	
	Nhà thầu không có bản cam kết: Các thiết bị chính tham gia cung cấp vật tư thiết bị trong gói thầu này sẽ không đưa ra bất cứ sự ràng buộc, hạn chế nào trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn kỹ thuật, cung cấp vật tư thiết bị dự phòng/thay thế sau thời gian bảo hành của Hợp đồng. Cam kết này bao gồm nhưng không giới hạn tới các quy định cản trở sự tiếp cận của Chủ đầu tư tới cách dịch vụ và vật tư thiết bị nêu trên nhằm nâng cao độ tin cậy vận hành của thiết bị/hệ thống.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết trên được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

3.7. Uy tín của nhà thầu

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
7.1. Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu kể từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu trên hệ thống đấu thầu Quốc gia trang: https://muasamcong.mpi.gov.vn/	Nhà thầu (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh nhà thầu) Không bị Chủ đầu tư hoặc bên mời thầu là Công ty Điện lực Phú Thọ công khai trên trang: https://muasamcong.mpi.gov.vn/ với nội dung (không thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng)	Đạt
	Nhà thầu (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh nhà thầu) đã bị Chủ đầu tư hoặc bên mời thầu là Công ty Điện lực Phú Thọ công khai trên trang: https://muasamcong.mpi.gov.vn/ với nội dung (không thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng)	Không đạt
7.2. Uy tín của các nhà thầu về việc thực hiện các hợp đồng kể từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu (Hợp đồng trước đó là một trong các hợp đồng thực hiện các gói thầu thuộc các lĩnh vực: Hàng hóa; Xây lắp; Tư vấn; Phi tư vấn)	Nhà thầu (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh nhà thầu) không có hợp đồng bị Chủ đầu tư hoặc bên mời thầu là Công ty Điện lực Phú Thọ đánh giá ghi nhận Nhà thầu đã vi phạm các quy định của hợp đồng đã ký hoặc bị phạt vi phạm hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Đạt
	Nhà thầu (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh nhà thầu) có hợp đồng bị Chủ đầu tư hoặc bên mời thầu là Công ty Điện lực Phú Thọ đánh giá vi phạm các quy định của hợp đồng đã ký hoặc bị phạt vi phạm hợp đồng do lỗi của nhà thầu (bằng chứng là thông qua các hồ sơ tài liệu thực hiện hợp đồng trong quá khứ giữa Công ty Điện lực Phú Thọ với Nhà thầu)	Không đạt
7.3 Theo kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu hàng năm hoặc đột xuất được các chủ đầu tư	Nhà thầu (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh) không có hợp đồng tương tự trước đó bị đánh giá là “Không đạt” hoặc không có từ hai	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) phê duyệt và đăng tải lên Hệ thống thông tin quản lý đấu thầu của EVN https://dauthau.evn.com.vn (theo Quyết định số 61/QĐ-EVN ngày 27/01/2023 của EVN về việc ban hành quy định về công tác đánh giá chất lượng nhà thầu thực hiện hợp đồng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam)	(02) hợp đồng tương tự trước đó trở lên bị đánh giá là “Cảnh báo”.	
	Nhà thầu (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh) có hợp đồng tương tự trước đó bị đánh giá là “Không đạt” hoặc có từ hai (02) hợp đồng tương tự trước đó trở lên bị đánh giá là “Cảnh báo”.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết trên được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát (1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7) đều được đánh giá là đạt. E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là đạt thì sẽ được tiếp tục xem xét về tài chính.

Trường hợp E-HSDT không đạt một trong các tiêu chí tổng quát (1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7) thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.